|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **NĂM HỌC 2022 - 2023** |

**MÔN: Ngữ văn LỚP 7**

Thời gian làm bài: 90 phút (*không kể thời gian giao đề*)

**I. TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm):** *Lựa chọn đáp án đúng rồi ghi kết quả vào bài làm.*

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**ĐÓN TẾT**

*Để chuẩn bị đón lễ Tết này, người Việt Nam cũng như người Trung Quốc phải chuẩn bị rất nhiều thứ. Những người phụ nữ thì lo chuẩn bị thực phẩm cho những mâm cỗ cúng quan trọng ngày Tết, người đàn ông trong gia đình thì cùng các thành viên khác dọn dẹp, trang hoàng nhà cửa.*

*Vào dịp Tết, người Việt Nam thường mua quất, đào, những cây tượng trưng cho ngày tết để bày trong phòng khách, hoặc chơi hoa hải đường - những loài hoa đặc trưng của mùa xuân. Còn người Trung Quốc lại chơi hoa thuỷ tiên (tượng trưng cho tài lộc), hoa hướng dương (tượng trưng cho một năm mới tốt lành), cây kim quất (tượng trưng cho tài lộc), hoa mơ (tượng trưng cho may mắn), [...]*



Người dân đi mua đào chuẩn bị đón tết.

*Bữa cơm tất niên chiều ba mươi Tết ấm cúng và thiêng liêng, với cả hai dân tộc, đó là bữa cơm sum họp, là bữa cơm mà con cháu đi làm ăn xa cũng cố gắng về quây quần chung vui.*

*Với nhân sinh quan, bản sắc văn hoá và môi trường sống của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc khác nhau, bữa cơm tất niên tuy có chung một ý nghĩa nhưng các món ăn lại rất riêng, thấm đậm nhân sinh quan và phản ánh rõ nét cuộc sống của người dân hai nước.*

*Mâm cơm ngày Tết của người Việt Nam không thể thiếu bánh chưng. Bánh chưng có hình vuông tượng trưng cho đất. Lá xanh bọc ở ngoài và nhân bên trong ruột tượng trưng cho công ơn sinh thành, tình cha mẹ luôn yêu thương và đùm bọc con cái. Món ăn cũng thể hiện tấm lòng uống nước nhớ nguồn của nhân dân ta. Đồng thời, hương vị bánh cũng thay lời nhấn mạnh tầm quan trọng của cây lúa và thiên nhiên trong nền văn hoá lúa nước. Ngoài ra còn có thịt gà, thịt lợn, măng, miến, giò chả, bóng bì, thịt bò kho gừng, cá kho, thịt đông, … đều là những món ăn mang đặc trưng của hương vị quê hương, của một đất nước lấy nông nghiệp là chính.*

*Mâm cỗ Tết có ý nghĩa đặc biệt với mọi gia đình người Việt mỗi độ Tết đến Xuân sang. Bởi* ***nó*** *không chỉ thể hiện nét đẹp về “Công” trong “tứ đức” của người phụ nữ trong gia đình, mà mỗi món ăn đều là sự gửi gắm những mong ước cho một năm mới tốt lành hơn, và đặc biệt ăm ắp trong đó là bản sắc văn hoá của người Việt.*

(Trích *Ấm áp Tết Việt*, Báo Nhân dân)

**Câu 1:** Văn bản Đón Tết thuộc kiểu văn bản nào?

1. Văn bản miêu tả. B.Văn bản tự sự.

C.Văn bản thuyết minh. D.Văn bản biểu cảm.

**Câu 2:** Văn bản Đón Tết cung cấp thông tin về điều gì?

1. Những công việc mà người Việt làm để chuẩn bị cho ngày tết.
2. Những công việc mà người Việt làm trong ngày mồng một tết.
3. Những công việc mà người Việt làm trong dịp tết.
4. Những công việc mà người Việt làm khi tết đã qua.

**Câu 3:** Ý nào sau đây KHÔNG ĐÚNG khi nói về mâm cỗ tết của người Việt?

1. Món ăn trong mâm cỗ mang đặc trưng của một đất nước nông nghiệp.
2. Mâm cỗ thể hiện sự khéo léo, đảm đang của người phụ nữ Việt Nam.
3. Mâm cỗ thể hiện mong ước cho một năm mới tốt lành của người Việt Nam.
4. Món ăn trong mâm cỗ của người Việt giống với món ăn của người Trung Hoa.

**Câu 4:** Trong văn bản trên, người viết đã triển khai ý theo trình tự nào sau đây?

1. Người Việt mua sắm quần áo mới; sửa soạn mâm cỗ Tết.
2. Người Việt mua sắm cây, hoa Tết; sửa soạn mâm cỗ Tết.
3. Người Việt sửa soạn mâm cỗ Tết; sum vầy đón giao thừa.
4. Người Việt mua sắm quần áo mới; gói và nấu bánh chưng.

**Câu 5:** Tác dụng của việc sử dụng hình ảnh *Người dân đi mua đào chuẩn bị đón tết* là gì?

1. Giúp người đọc thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên Việt Nam.
2. Giúp người đọc cảm nhận được sự rộn ràng của những ngày trong Tết.
3. Giúp người đọc thấy được sự nhộn nhịp khi người Việt Nam mua hoa chuẩn bị đón Tết.
4. Giúp người đọc hình dung được các hoạt động mà người Việt Nam làm khi xuân về.

**Câu 6:**  Trong các từ sau từ nào KHÔNG phải là từ Hán - Việt?

1. Thực phẩm. B. Đàn ông C. Thiêng liêng. D. Dân tộc.

**Câu 7:** Nghĩa của yếu tố Hán – Việt *nhân* trong cụm từ *nhân sinh quan* đồng nghĩa với yếu tố *nhân* trong từ nào sau đây?

1. *Nhân* bánh. B. Nguyên *nhân*. C. Phép *nhân*. D. *Nhân* dân.

**Câu 8:**  Từ in đậm trong đoạn văn cuối của văn bản thực hiện phép liên kết nào?

A. Phép nối. B. Phép thế. C. Phép lặp D. Phép nối, phép thế

**Câu 9:**  Từ việc đọc văn bản ***“ Đón Tết”*** em cảm nhận được điều gì về ngày Tết Việt Nam?

**Câu 10:** Qua văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

**II. TỰ LUẬN** **(4,0 điểm):**

***Có ý kiến cho rằng “Bạo lực học đường không ảnh hưởng nhiều tới học sinh”***. Em hãy viết bài nghị luận trình bày ý kiến về vấn đề trên.

**=== Hết ===**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: Ngữ văn LỚP 7**

**I. TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)**Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| Đáp án | C | A | D | B | C | B | D | B |

**Câu 9 :(1,0 điểm)**

HS nêu được một trong các ý sau:

- Ngày Tết Việt tươi đẹp, có ý nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc.

- Tết là nét đẹp văn hóa cổ truyền của Việt Nam

**Câu 10:(1,0 điểm)** HS nêu được bài học cho bản thân (HS có thể nêu những bài học sau)

- Trân trọng nét đẹp văn hoá dân tộc, có ý thức giữ gìn và phát huy…

- Tích cực tham gia vào việc dọn dẹp nhà cửa, trang hoàng đón tết…

**II. TỰ LUẬN** **(4,0 điểm):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu (Bài)** | **Phần** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  |  | **VIẾT** |  |
| *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận xã hội:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân – ý kiến của bản thân về vấn nạn bạo lực học đường hiện nay | 0,25 |
| *c. Triển khai nội dung bài viết:* Đảm bảo theo các nội dung sau đây:  **A/ Mở bài:**  ***- Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận:***bạo lực học đường hiện nay và trình bày ý kiến phản đối của bản thân em về vấn đề  *\* Hướng dẫn chấm:*  *+ Giới thiệu đầy đủ, hợp lí, ấn tượng: 0,5 điểm.*  *+ Giới thiệu sơ sài: 0,25 điểm.*  **B/ Thân bài**  ***1. Giải thích khái niệm:***  - Bạo lực học đường là hành vi ngược đãi, đánh đập, bạo hành gây ảnh hưởng nặng nề tới sức khỏe tinh thần và thể chất của người học xảy ra trong các tổ chức, cơ sở giáo dục.  - Bạo lực học đường đã trở thành mối quan tâm của rất nhiều gia đình, các nhà trường và là nỗi trăn trở của toàn xã hội .  ***2. Thực trạng*:**  - Bạo lực học đường đang xảy ra ở khắp mọi trường học trên cả nước…  - Những vụ bạo lực học đường không chỉ gia tăng về số lượng mà còn gia tăng về mức độ nguy hiểm của nó *(HS có thể nêu số liệu)*  ***3. Nguyên nhân:***  **\*Chủ quan từ bản thân học sinh:**  +Do tâm lý **muốn khẳng định** chính mình, **muốn gây ấn tượng** trong mắt người lớn và bạn bè.  + Nhiều bạn **chưa có những kĩ năng cách ứng xử** và **đối phó** với những áp lực, bất đồng và mâu thuẫn trong các mối quan hệ, **chưa biết kiềm chế tính nóng giận** của bản thân, giải quyết các vấn đề một cách cực đoan , bạo lực.  **\*Khách quan:**  **- Từ gia đình**:  + Hành vi bạo lực, sử dụng những lời lẽ làm tổn thương lẫn nhau của cha mẹ, người lớn sẽ là tấm gương xấu cho học sinh noi theo.  + Chăm chú vào các công việc làm ăn mà không dành tình cảm, quan tâm khiến ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành tính cách tích cực cho bản thân…  - **Từ phía nhà trường:**  + Công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật có hiệu quả còn thấp.  + Giáo dục của nhà trường còn nặng về các kiến thức văn hóa, chưa có nhiều sự kết hợp với giáo dục pháp luật, các chương trình thực tế cho học còn ít.  + Kỷ luật của nhà trường còn chưa nghiêm, chưa đủ sức nặng để răn đe  **- Từ phía xã hội :** Lối sống ích kỷ, vô cảm, sự mâu thuẫn, bạo lực của người lớn ngoài xã hội đã tác động tiêu cực tới suy nghĩ, hành động của học sinh.  ***4. Hậu quả*:**  **\* Đối với người bị bạo lực :**  **-** Đó là sự tổn thương, đau đớn về thể xác, có những trường hợp nghiêm trọng còn là sự nguy hiểm đến tính mạng con người.  - Về mặt tinh thần đó là nỗi ám ảnh kinh hoàng, sự căng thẳng, mệt mỏi, buồn chán, mặc cảm , lo sợ , ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý ,đến việc học tập…của người bị bạo lực.  **\* Đối với người bạo lực:**  **-** Còn với học sinh gây ra bạo lực cũng sẽ phải đối mặt với sự bức xúc , phê phán lên án của cộng đồng , của xã hội , chịu kỷ luật từ phía nhà trường, pháp luật.  - Kết quả học tập sút kém và tự hủy hoại đi tương lai của chính mình  - Bên cạnh đó là sự thất vọng, buồn bã ,lo lắng của cha mẹ của thày cô.  \***Đối với nhà trường:** không khí trường học trở nên nặng nề, căng thẳng, ảnh hưởng không nhỏ tới uy tín của nhà trường  \***Đối với xã hội:** Chính những hành động bạo lực ấy đã làm lu mờ những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là nguyên nhân làm mất trật tự an ninh xã hội  **5. Biện pháp:**  + Bản thân giới trẻ cần chăm chỉ học tập, tu dưỡng đạo đức , trau dồi kĩ năng sống.Bình tĩnh và biết cách kiềm chế cảm xúc của bản thân Có lối sống lành mạnh, tránh xa các nhân tố bạo lực  + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm … để hs phát huy những đức tính tốt đẹp …  \* *Hướng dẫn chấm:*  *- Đầy đủ các ý theo trình tự hợp lí, nêu kiến, có lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, lập luận chặt chẽ: 1,5 – 2,0 điểm.*  *- Tương đối đầy đủ các ý. 1,05 - 1,5 điểm*  *- Thiếu ý: 0,5 điểm*  **3/ Kết bài**  - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp…  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề.  *Hướng dẫn chấm:*  Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp…  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề.*0,5 điểm.*  *Trình bày sơ sài: 0,25 điểm.* | 3,0  0,5  0,25  0,25  0,75  0.75  0,5  0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo:  Bố cục mạch lạc, diễn đạt sáng tạo. | 0,25 |

*Chú ý:*

*+ Học sinh giải bằng cách khác, bài làm đúng vẫn cho điểm tối đa.*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **20** | | **40** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

BẢNG ĐẶC TẢ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin  - Nhận biết cách triển khai.  - Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết  - Hiểu được nghĩa của yếu tố Hán Việt phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin.  - Giải thích nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.  **Vận dụng**:  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc về văn bản  - Rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến phản đối của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng số** | | | | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60%** | | **40%** | |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.